

Phụ lục I					
Tổng hợp kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu theo Kế hoạch số 85-KH/ĐU					
STT	Tên chỉ tiêu, mục tiêu	Đơn vị chủ trì thực hiện	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm (Xem hướng dẫn ở cuối trang để điền kết quả)	Đánh giá (Xem hướng dẫn ở cuối trang để đánh giá)	Ghi chú
a. Hạ tầng số, nền tảng số và dữ liệu dùng chung					
1	100% cán bộ cấp xã có trang thiết bị đáp ứng yêu cầu công việc và có chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc trên môi trường điện tử	HDND, UBND xã; Ủy ban MTTQ Việt Nam xã	38/38 cán bộ, công chức xã có trang thiết bị phục vụ công việc, tuy nhiên còn 13/38 máy cấu hình thấp không đáp ứng cấu hình máy tính theo hướng dẫn của SKHCN; 38/38 cán bộ, công chức cấp xã có chữ ký số và thực hiện công việc trên môi trường điện tử: Báo cáo số 353/BC-UBND ngày 01/5/2026	Đảm bảo tiến độ	
2	Phân đầu 100% cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý được kết nối Internet băng rộng cố định; ≥ 60% hộ dân khu vực trung tâm có khả năng tiếp cận Internet băng rộng cố định	UBND xã	100% cơ quan, đơn vị có kết nối Internet băng rộng cố định; 90% hộ dân khu vực trung tâm có khả năng tiếp cận Internet băng rộng cố định	Hoàn thành	
3	100% hồ sơ, công việc được xử lý trên môi trường điện tử và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ để giải quyết công việc	Văn phòng Đăng ký báo cáo số liệu Khởi đầu; Văn phòng HDND- UBND xã báo cáo Khởi chính quyền; UBMT TQVN báo cáo số liệu khởi đoàn thể	100% hồ sơ công việc xử lý trên môi trường điện tử, 100% cbcc xử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ để giải quyết công việc	Hoàn thành	
4	100% các hệ thống thông tin được phê duyệt cấp độ an toàn thông tin và thực hiện bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt	Các cơ quan, đơn vị báo cáo đối với Hệ thống thuộc cơ quan quản lý	UBND xã đang được phê duyệt cấp độ 1, đang làm hồ sơ cấp độ 2 trong quý III; Đã làm tờ trình gửi Công an tỉnh (Tờ trình số 196/TT-UBND ngày 28/8/2026)	Đảm bảo tiến độ	
5	Ứng dụng, khai thác các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành; các nền tảng số đảm bảo dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”	Các cơ quan, đơn vị báo cáo các CSDL thuộc lĩnh vực quản lý	- Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh; - Hệ thống quản lý cán bộ, công chức, viên chức; - Hệ thống thư công vụ tỉnh Quảng Ngãi; - Hệ thống Hộ tịch điện tử; - Hệ thống một cửa của các Bộ ngành; - Hệ thống báo cáo tỉnh Quảng Ngãi; - Hệ thống thanh tra Chính phủ (https://bcth.thuantra.gov.vn/login); - Hệ thống chuyên ngành Y tế gồm: Phần mềm công BHYT; Phần mềm kho dữ liệu dân số; Phần mềm khám chữa bệnh hix; Phần mềm sức khỏe sinh sản; Phần mềm bệnh không lây nhiễm; Phần mềm tiêm chủng; phần mềm bệnh truyền nhiễm; phần mềm suy dinh dưỡng; phần mềm quản lý người khuyết tật; phần mềm giám sát dịch bệnh; phần mềm bệnh án điện tử. - Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục. - Hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai - Hệ thống đánh giá KPI	Đảm bảo tiến độ	
b. Về thủ tục hành chính (TTHC) và dịch vụ công trực tuyến (DVCTT):					
6	Tối thiểu 80% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các TTHC liên quan sản xuất, kinh doanh chỉ phải cung cấp một lần cho cơ quan nhà nước	UBND xã	0.38%	Chậm tiến độ	Đạt 08/2.089 hồ sơ tái sử dụng dữ liệu số hóa. Tỷ lệ thấp do Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Quảng Ngãi chưa kết nối dữ liệu số hóa của tỉnh Kon Tum (cũ); nhiều TTHC đã được đơn giản hóa thành phần hồ sơ; dữ liệu hộ tịch từ Công DVV Bộ Tư pháp chưa hỗ trợ tái sử dụng hồ sơ số hóa đã lưu trước đây.
7	100% TTHC được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính giữa các cấp chính quyền	UBND xã	Công văn số 53/TTTPVHCC-TH, ngày 18/3/2026 về việc triển khai thực hiện tiếp nhận, giải quyết TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã (Kết quả: 06 tháng đầu năm số hồ sơ tiếp nhận phi địa giới: 0 hồ sơ)	Đảm bảo tiến độ	
8	≥ 80% hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	UBND xã	Đạt 100%	Đảm bảo tiến độ	
9	100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	UBND xã	Đạt 100% (2.070/2.070 hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa)	Đảm bảo tiến độ	
10	Không yêu cầu người dân, doanh nghiệp nộp thêm giấy tờ khi hệ thống thông tin đã kết nối, khai thác dữ liệu từ CSDL quốc gia, chuyên ngành	UBND xã	Không yêu cầu người dân, doanh nghiệp nộp lại giấy tờ, thông tin đã có trên các cơ sở dữ liệu được kết nối; khai thác (814 hồ sơ Sổ hộ sơ khai thác CSDLĐCQG; 06 Số hồ sơ tái sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa).	Đảm bảo tiến độ	
c. Kinh tế số					
11	Triển khai Mô hình “Chợ công nghệ 4.0 - Thanh toán không dùng tiền mặt	UBND xã	Kế hoạch số 165/KH-UBND ngày 06/5/2026	Hoàn thành	Đã triển khai toàn bộ chợ trên địa bàn xã
12	≥ 40% doanh nghiệp địa phương ứng dụng công nghệ số	UBND xã	35% doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số	Đảm bảo tiến độ	
d. Xã hội số					
13	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử mức 2, cài đặt và sử dụng ứng dụng VNciD ≥ 90%; tỷ lệ người dân có chữ ký số ≥ 10%	UBND xã	- 92,4% công dân từ 18 tuổi trở lên có tài khoản định danh mức 2; - 94,38% người dân kích hoạt sử dụng VNciD - Tỷ lệ người dân có chữ ký số ≤5%	Tỷ lệ người dân có chữ ký số chưa đảm bảo tiến độ	Ti lệ người dân có chữ ký số ≥ 10%
14	Nâng cao kỹ năng số và văn hóa đổi mới sáng tạo; lan tỏa nhân thức về KHCN, ĐMST, CDS	UBND xã, Ủy ban MTTQ Việt Nam xã	- Xây dựng chuyên mục Chuyển đổi số trên Trang thông tin điện tử xã; thường xuyên truyền các khóa bồi dưỡng kỹ năng số; - Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho 171 CBCCVC, NLD và khoảng 250 người dân, TCNSCD, doanh nghiệp, HTX	Đảm bảo tiến độ	
2.2 phát triển nguồn nhân lực					
15	≥ 1,1% tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; tỷ lệ chi cho KHCN, ĐMST và CDS đạt 3% tổng chi ngân sách	UBND xã	Theo quyết định số 707/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Đắk Hà nhân bản là 0,1%.	Chậm tiến độ	

16	100% cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	UBND xã	100% cán bộ, công chức viên chức được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	Hoàn thành	
17	Phấn đấu 90% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	UBND xã	- Đạt 75,9% dân số đã có hồ sơ sức khỏe điện tử; 100% đơn vị trường học triển khai học bạ số;	Đảm bảo tiến độ	
18	Ứng dụng tối thiểu 01-02 kết quả/nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh hoặc cấp trên vào quản lý, sản xuất, đời sống	UBND xã	UBND xã đã thống nhất tiếp nhận, ứng dụng, sử dụng kết quả nghiên cứu đề tài Khoa học và công nghệ cấp tỉnh: Đề tài “Nghiên cứu, ứng	Chưa thực hiện vì tình chưa chuyển giao về	
19	Từng bước ứng dụng công nghệ số như AI, IoT, điện toán đám mây phù hợp điều kiện thực tế địa phương	UBND xã	Thường xuyên triển khai các ứng dụng AI, khuyến khích CBCCVV ứng dụng AI trong công việc	Đảm bảo tiến độ	
20	Khuyến khích và hỗ trợ hộ kinh doanh, HTX, thanh niên, phụ nữ tham gia khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo	UBND xã; UB MTTQ Việt Nam xã	Thường xuyên triển khai các ứng dụng công nghệ, kỹ thuật mới, khuyến khích hỗ trợ HKD,HTX tham gia khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo	Đảm bảo tiến độ	
21	Phấn đấu có ít nhất 03 sáng kiến trong khu vực công được cấp có thẩm quyền công nhận, triển khai áp dụng hiệu quả trong giai	UBND xã	Xã có 02 sáng kiến được đánh giá hiệu quả, khả năng áp dụng cấp tỉnh (Khai thác ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ công tác quản lý và hoạt động	Đảm bảo tiến độ	
22	100% nhiệm vụ được theo dõi, giám sát, đánh giá trên hệ thống theodoing.dcs.vn	Văn phòng Đảng ủy; các cơ quan liên quan	Thực hiện đầy đủ báo cáo trên hệ thống	Đảm bảo tiến độ	

Ghi chú hướng dẫn thực hiện:

- Cột "Kết quả thực hiện": Ghi rõ số liệu định lượng (ví dụ: 15/15 cán bộ) kèm theo số hiệu văn bản hoặc tên sản phẩm minh chứng cụ thể (ví dụ: Quyết định số..., Báo cáo số ..., Kế hoạch số ...).
- Cột "Đánh giá": Sử dụng các cụm từ: **Hoàn thành** (nếu đạt mục tiêu năm); **Đảm bảo tiến độ** (nếu đạt chỉ tiêu 06 tháng); **Chậm tiến độ** (nếu chưa đạt tỷ lệ tương ứng); **Chưa thực hiện** (nếu nhiệm vụ chưa đến kỳ hạn).
- Cột "Ghi chú": Nêu ngắn gọn lý do khách quan/chủ quan nếu đánh giá là "Chậm tiến độ" hoặc "Chưa thực hiện"